**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----------------------------------

*Bạc Liêu, ngày tháng năm 2018*

**HỢP ĐỒNG MUA SẮM VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ**

Số: /2018/HĐ – MSLĐTB

Gói thầu số 03: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghệ tin học (phần cứng và phần mềm) của Trung tâm Hành chính công huyện Phước Long.

Công trình: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghệ tin học (phần cứng và phần mềm) của Trung tâm Hành chính công huyện Phước Long.

GIỮA

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

**HUYỆN PHƯỚC LONG**

**VÀ**

**LIÊN DANH VIỆN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG VÀ CÔNG TY TNHH MTV THẾ GIỚI CÔNG NGHỆ (HDKING)**

**MỤC LỤC**

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Điều 3. Trách nhiệm bên A

Điều 4. Trách nhiệm bên B

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

Điều 6. Loại hợp đồng

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Điều 8. Điều chỉnh giá hợp đồng, Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

Điều 9. Thanh lý hợp đồng

Điều 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

Điều 12. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm – quy cách kỹ thuật

Điều 13. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

Điều 14. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

Điều 15. Bảo hành công trình, sản phẩm.

Điều 16. Trường hợp bất khả kháng

Điều 17. Giải quyết tranh chấp

Điều 18. Hiệu lực hợp đồng.

**PHẦN 1 – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2014/QH 13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH 13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành mốt số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn Hợp đồng thi công xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 19154/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện Phước Long về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Lắp đặt thiết bị công nghệ tin học (phần cứng và phần mềm) phục vụ Trung tâm Hành chính công huyện;

Căn cứ Quyết định số 2411A/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Phước Long về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Lắp đặt thiết bị công nghệ tin học (phần cứng và phần mềm) phục vụ Trung tâm Hành chính công huyện;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-BQL ngày 19/02/2018 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phước Long về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghệ tin học (phần cứng và phần mềm) của Trung tâm Hành chính công huyện Phước Long;

**PHẦN 2- CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG**

Hôm nay, ngày tháng năm 2018, tại Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Phước Long. Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu): (Bên A)**

- Tên giao dịch: **Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Phước Long**.

- Đại diện là ông: **Võ Thành Thông** Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ: Ấp hành chính, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

*- Tài khoản: 9527 Tại: KBNN huyện Phước Long.*

*- Mã số thuế: 1900411244*

*- Điện thoại: 02913 864 925 Fax: 02913 864 925*

*Và bên kia là:*

**2. Nhà thầu (Bên nhận thầu): Liên danh Viện Công Nghệ Viễn Thông và Công ty TNHH MTV Thế giới Công nghệ (HDKING) ( Bên B)**

**a. Thành viên đứng đầu Liên danh:**

**Thành viên thứ 1 (Sau đây gọi tắt là bên B1):**

- Tên giao dịch: **Viện Công Nghệ Viễn Thông.**

- Đại diện là Ông: GS. Viện Sỹ Hoàng Quang Thuận - Chức vụ: Viện Trưởng.

- Địa chỉ: 198/A5-A6 Hoàng Văn Thụ, P9, Quận Phú Nhuận, TPHCM.

*- Tài khoản:1603201042324 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Chi nhánh Lý Thường Kiệt - TP. HCM.*

*- Mã số thuế: 0301465182*

*- Điện thoại: 028.39972030 Fax: 028.39972031*

- (*Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A -296 do Bộ khoa học và công nghệ cấp ngày 24/05/2011.)*

**b. Thành viên Liên danh: (Sau đây gọi tắt là bên B2):**

- Tên giao dịch: **Công ty TNHH MTV Thế giới Công nghệ (HDKING).**

- Đại diện là Ông: Trương Công Minh Hiển - Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

- Địa chỉ: 164 Nguyễn Lương Bằng, KĐT Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phú, Quận 7 , TP.HCM.

*- Tài khoản:1031126889999 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - SGD2-TPHCM.*

*- Mã số thuế: 0309264689*

*- Điện thoại: 028.62741461 Fax:…………………...*

- (*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309264689 do Sở Kế hoạch và đầu tư TPHCM cấp ngày 03/08/2009 thay đổi lần 11 ngày 23/05/2017*

Các bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công xây dựng công trình gói thầu số 03: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghệ tin học (phần cứng và phần mềm) của Trung tâm Hành chính công huyện Phước Long với nội dung cụ thể như sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

- Bên A giao cho Bên B1 và Bên B2 thực hiện việc cung cấp hàng hóa và lắp đặt các thiết bị CNTT thuộc gói thầu Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghệ tin học (phần cứng và phần mềm) của Trung tâm Hành chính công huyện Phước Long cho bên A tại địa chỉ: Trung tâm Hành chính công, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu theo thiết kế đã được bên A duyệt. Cụ thể:

+ Cung cấp và cài đặt hệ thống phần mềm: do Bên B1 thực hiện.

+ Cung cấp hàng hóa và lắp đặt thiết bị phần cứng: do Bên B2 thực hiện.

- Danh mục thiết bị và thông số kỹ thuật được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

- Bảng giá chào là một phần không thể thiếu của hợp đồng này.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

3. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ Hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu

4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

**Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

- Bố trí mặt bằng, vị trí lắp đặt để bên B1 và B2 tiến hành bàn giao hàng và lắp đặt đúng quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với bên B trong thời gian thi công lắp đặt thiết bị công trình.

- Cung cấp theo yêu cầu của Bên B1 các tài liệu liên quan tới : Thủ tục, Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ.

- Bên A cam kết thanh toán cho Bên B1 và Bên B2 theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

- Bên B cam kết cung cấp và lắp đặt cho Bên A đúng, đầy đủ số lượng, chủng loại hàng hóa và thiết bị nêu tại Điều 1 của hợp đồng này. Cụ thể như sau:

+ Bên B1 cam kết cung cấp lắp đặt Hệ thống phần mềm; theo tỷ lệ tương đương 30,66%

+ Bên B2 cam kết cung cấp lắp đặt Thiết bị phần cứng; theo tỷ lệ tương đương 69,34%

- Bên B có trách nhiệm cung cấp tài liệu và hướng dẫn nhân viên của bên A cách sử dụng thiết bị. Cụ thể như sau:

+ Bên B1 có trách nhiệm cung cấp tài liệu và tập huấn để bên A sử dụng Hệ thống phần mềm;

+ Bên B2 có trách nhiệm cung cấp tài liệu và hướng dẫn sử dụng cho bên A về hệ thống phần cứng.

- Bên B1và Bên B2 phải chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa của mình cung cấp, giao theo quy định của hợp đồng này, chịu trách nhiệm về kỹ thuật, mỹ thuật và chất lượng thi công toàn bộ thiết bị công trình theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: **1.386.223.000 đồng** *(Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi ba ngàn đồng).*

- Đính kèm bảng phụ lục giá hợp đồng và bảng thông số kỹ thuật kèm theo.

- Giá trị ký kết hợp đồng đã bao gồm giá thiết bị, thuế, phí vận chuyển, bảo hành, lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ và chi phí khác đến địa điểm giao hàng.

2. Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.

3. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Số lần thanh toán: 02 lần.

* Lần 1: Tạm ứng.

Ngay sau khi ký hợp đồng và bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ ứng trước cho nhà thầu **45%** giá trị hợp đồng tương ứng số tiền **623.800.350đ** *(Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi ba triệu, tám trăm ngàn, ba trăm năm chục đồng) sau khi hợp đồng có hiệu lực.Theo thông tin như sau :*

* ***Viện Công Nghệ Viễn Thông***
  + *Số tài khoản: 1603201042324 - Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Chi nhánh Lý Thường Kiệt – TP. HCM.*
  + *Số tiền:* ***191.250.000đ*** (*Một trăm chín mươi mốt triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*)*theo tỷ lệ tương đương 30,66%*
* ***Công ty TNHH MTV Thế giới Công nghệ (HDKING)***
  + *Số tài khoản: 1031126889999 - Ngân hàng TMCP Quân Đội - SGD2 - TP.HCM.*
  + *Số tiền :* ***432.550.350đ*** *(Bốn trăm ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi ngàn ba trăm năm mươi đồng) theo tỷ lệ tương đương 69,34%*
* Lần 2: Bên A thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cụ thể như sau :
* Thanh toán cho bên B1:

Bên A thanh toán toàn bộ giá trị Hệ thống phần mềm ngay sau khi:

+ Toàn bộ Hệ thống phần mềm đã được Bên B1 bàn giao, lắp đặt, vận hành, thử nghiệm, đào tạo hướng dẫn sử dụng.

+ Sau khi hoàn thành tất cả các hạng mục công việc do Bên B1 đảm trách trong hợp đồng, hai bên (bên A và B1) đã lập biên bản nghiệm thu Hệ thống phần mềm đưa vào sử dụng, Bên B1 đã cung cấp Hóa đơn tài chính và các giấy tờ khác phục vụ việc thanh toán cho bên A, đồng thời Bên A nhận được giấy bảo lãnh bảo hành của Ngân Hàng bên B1. Thì bên A sẽ thanh toán cho bên B1toàn bộ giá trị của Hệ thống phần mềm đã nghiệm thu, đồng thời sẽ thu hồi hết giá trị tạm ứng hợp đồng đã tạm ứng cho bên B1. Thông tin thanh toán như sau :

***Viện Công Nghệ Viễn Thông***

* + *Số tài khoản: 1603201042324 - Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Chi nhánh Lý Thường Kiệt – TP.HCM.*
  + *Tổng giá trị phần mềm:* ***425.000.000đ***.
  + *Trừ giá trị đã tạm ứng:* ***191.250.000đ.***
  + *Số tiền bên A phải thanh toán là*: ***233.750.000đ*** *(Hai trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo tỷ lệ tương đương 30,66%*
* Thanh toán cho bên B2 :

Bên A thanh toán toàn bộ giá trị của Thiết bị phần cứng ngay sau khi:

+ Toàn bộ thiết bị phần cứng đã được Bên B2 bàn giao, lắp đặt, vận hành, thử nghiệm, đào tạo hướng dẫn sử dụng.

+ Sau khi hoàn thành tất cả các hạng mục công việc B2 đảm trách trong hợp đồng, hai bên (bên A và B2) đã lập biên bản nghiệm thu thiết bị phần cứng đưa vào sử dụng, Bên B2 đã cung cấp Hóa đơn tài chính và các giấy tờ khác phục vụ việc thanh toán cho bên A, đồng thời Bên A nhận được giấy bảo lãnh bảo hành của Ngân Hàng bên B2. Thì bên A sẽ thanh toán cho bên B2toàn bộ giá trị thuộc về phần cứng, đồng thời sẽ thu hồi hết giá trị tạm ứng hợp đồng đã tạm ứng cho bên B2. Thông tin thanh toán như sau :

***Công ty TNHH MTV Thế giới Công nghệ (HDKING)***

* + *Số tài khoản: 1031126889999 - Ngân hàng TMCP Quân Đội - SGD2 – TP.HCM.*
  + *Tổng giá trị Thiết bị phần cứng:* ***961.223.000đ***
  + *Trừ giá trị đã tạm ứng:* ***432.550.350đ.***
  + *Số tiền bên A phải trả:* ***528.672.650đ.*** *(Năm trăm hai mươi tám triệu,sáu trăm bảy mươi hai ngàn, sáu trăm năm mươi đồng) theo tỷ lệ tương đương 69,34%*

c) Hồ sơ thanh toán: nhà thầu phải nộp 08 bộ Hồ sơ thanh toán cho Bên A. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật (Hồ sơ hoàn công phần hệ thống mạng LAN, Camera ..., nhật ký thi công, hồ sơ chất lượng, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.) đã được các bên xác nhận;

- Bảng xác định giá trị khối lượng thi công hoàn thành theo hợp đồng kèm theo bảng Phụ lục 03a Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016.

- Phụ kiện điều chỉnh hợp đồng (nếu có).

- Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng công trình giữa Bên A và Bên B1 hoặc/và Bên B2.

- Hóa đơn phải hợp lệ, hợp pháp của cơ quan thuế Nhà nước.

- Thư bảo lãnh bảo hành.

- Biên bản thanh lý hợp đồng

d) Thời gian thanh toán:

- Bên B1 và Bên B2 có trách nhiệm nộp hồ sơ thanh toán cho Bên A theo quy định như trên ngay sau khi các khối lượng đó được Bên A nghiệm thu.

- Bên A kiểm tra hồ sơ thanh toán tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của bên B1 hoặc/và B2.

- Thanh quyết toán khối lượng hoàn thành trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ thanh quyết toán được các phòng Ban của Bên A xác nhận xong.

**Điều 6. Loại hợp đồng:** Hợp đồng trọn gói.

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng.**

Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày không kể ngày nghỉ và ngày lễ theo pháp luật và kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**Điều 8. Điều chỉnh giá hợp đồng, Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.**

- Hợp đồng này không điều chỉnh đơn giá trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.

- Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

**Điều 9. Thanh lý hợp đồng.**

- Khi Bên A và Bên B hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng này hoặc Hợp đồng này bị chấm dứt theo Điều 11.

- Sau khi Hợp đồng được thanh lý, Bên B1 và Bên B2chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo phần việc của mình. Tuy nhiên, nghĩa vụ bảo hành của các Bên theo **Điều 15- Bảo hành công trình** của hợp đồng này vẫn có hiệu lực đến hết thời hạn bảo hành và có xác nhận các Bên đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành phần việc của mình đối với Bên A. Trong thời hạn 05 ngày làm việc và biên bản Thanh lý hợp đồng đã được ký kết, Bên A nhận được giấy bảo lãnh bảo hành của Ngân Hàng bên B1 và/hoặc B2, bên A sẽ thanh toán cho Bên B1 hoặc/và Bên B2 toàn bộ giá trị quyết toán của Hợp đồng cho các bên.

**Điều 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:**

1. Bên B1 và Bên B2 phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: 05 ngày làm việc sau khi hợp đồng được ký kết và trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: **3% giá hợp đồng** *(tương đương* ***41.586.690*** *đồng (Bằng chữ: Bốn mươi mốt triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn, sáu trăm chín mươi đồng))*.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam. Được thực hiện như sau:

*+ Bên B1 thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng:* ***12.750.000*** *đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng);*

*+ Bên B2 thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng :* ***28.836.690*** *đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn, sáu trăm chín mươi đồng).*

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng của Bên B1 hoặc/và Bên B2 sẽ được trả cho Bên A khi Bên B1 hoặc/và Bên B2 không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B1 hoặc/và B2 thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho các bên (B1 và B2) khi bên đó hoàn thành phần việc của mình và có biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng.

**Điều 11. Chấm dứt hợp đồng**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B1 hoặc B2 không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B1 hoặc B2 đã không thực hiện. Trên cơ sở xác định lỗi thuộc về bên nào trong Liên danh thì Bên đó sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B1 và B2 vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

4. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng, bên A phải thanh lý hợp đồng cho các bên.

**Điều 12. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm – quy cách kỹ thuật**

- Yêu cầu về chất lượng sản phẩm:

+ Bên B1 và B2 phải bảo đảm tất cả các loại Vật tư, vật liệu mà bên đó sử dụng vào công trình phải đúng theo thiết kế bên A phê duyệt, tuân thủ theo tiêu chuẩn và chỉ dẫn thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong Hồ sơ bản giá chào phù hợp với hệ thống Quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình xây dựng hiện hành của nhà nước có liên quan;

+ Bên B1 và Bên B2 phải bảo đảm vật tư, vật liệu do Bên B cung cấp có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, phù hợp với quy định của Hồ sơ hợp đồng;

* Tiêu chuẩn hàng hóa:

+ Hàng hoá cung cấp đúng chất lượng, mới 100% được đóng gói theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất, đúng quy định của Việt Nam và Quốc tế; đảm bảo nguyên vẹn không bị biến dạng, đổ vỡ, hư hỏng; đóng gói theo từng kiện hàng từ nơi sản xuất hoặc lắp ráp tới địa điểm giao hàng và kèm theo các tài liệu liên quan đến việc bảo hành, hướng dẫn sử dụng;

+ Bên A sẽ từ chối tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị do Bên B1 hoặc B2 cung cấp không có nguồn gốc rõ ràng, không đảm bảo chất lượng hoặc vi phạm chính sách về thuế và các chính sách khác có liên quan do nhà nước Việt Nam ban hành;

+ Quy cách kỹ thuật hàng hóa được quy định chi tiết theo phụ lục kèm theo hợp đồng này.

**Điều 13. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa**

1. Bên B1 và B2 phải cung cấp, lắp đặt hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ *(kèm theo)* theo tiến độ nêu trong bản yêu cầu báo giá.

2. Yêu cầu về vận chuyển, cung cấp và lắp đặt, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa:

Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra:

- Thời gian: sau khi hợp đồng có hiệu lực.

- Địa điểm: Trung tâm Hành chính công, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Chi phí cho việc kiểm tra: do bên chịu trách nhiệm về hàng hóa đó chi trả (Hàng hóa phần cứng thuộc về Bên B2, Hàng hóa Phần mềm thuộc về Bên B1).

- Các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra: Bên chịu trách nhiệm về hàng hóa đó phải thay thế nhanh chóng theo đúng yêu cầu.

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì căn cứ theo hàng hóa đó được cung cấp bởi bên nào (bên B1 hoặc bên B2), Bên A có quyền từ chối và buộc bên đó phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên chịu trách nhiệm về hàng hóa đó không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên chịu trách nhiệm về hàng hóa đó chịu. Việc thực hiện kiểm tra hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của các Bên (Bên B1 và Bên B2).

**Điều 14. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa**

1. Bên B1 và Bên B2 phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B1 và Bên B2) đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B2 cung cấp, lắp đặt phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng.

**Điều 15. Bảo hành công trình, sản phẩm**

- Thời gian bảo hành được tính kể từ ngày Bên B1 hoặc B2 ký Biên bản nghiệm thu phần hạng mục của mình (phần cứng và phần mềm) và bàn giao đưa vào sử dụng. Thời gian bảo hành từng hạng mục công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của Nhà thầu.

- Giá trị và thời hạn bảo hành, hình thức bảo đảm bảo hành

+ Giá trị bảo hành: 5% Giá Hợp đồng *(tương đương với* ***69.311.150đ*** *(Bằng chữ: Sáu mươi chín triệu, ba trăm mười một ngàn, một trăm năm mươi đồng).*

* Bên B1 thực hiện bảo lãnh bảo hành cho Hệ thống phần mềm: **21.250.000đ** *(bằng chữ: Hai mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).*
* Bên B2 thực hiện bảo lãnh bảo hành cho Thiết bị phần cứng: **48.061.150đ** *(bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, không trăm sáu mươi mốt ngàn, một trăm năm chục đồng)*

+ Thời gian bảo hành: 01 năm (12 tháng) cho toàn hệ thống.

+ Hình thức: bằng bảo lãnh của Ngân hàng tại nước CHXHCN Việt Nam.

- Trong thời gian bảo hành, bên B1 và B2 sẽ bảo hành miễn phí hàng hóa mình cung cấp cho bên A nếu có sự cố do vật liệu hoặc lỗi chế tạo.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, bên A phải giữ nguyên hiện trường và thông báo yêu cầu các bên liên quan đến kiểm tra, xác định nguyên nhân và có biện pháp khắc phục trong thời gian Bên A quy định. Cụ thể:

+ Nếu xảy ra sự cố thuộc về phần mềm: Bên A gửi thông báo cho Bên B1;

+ Nếu xảy ra sự cố thuộc về phần cứng: Bên A gửi thông báo cho Bên B2.

- Khi nhận được thông báo của bên A về sự cố của thiết bị, Bên chịu trách nhiệm bảo hành có trách nhiệm hướng dẫn qua điện thoại hoặc trực tuyến để khắc phục sự cố. Trong trường hợp đã hướng dẫn nhưng vẫn không khắc phục được thì Bên chịu trách nhiệm bảo hành phải có mặt tại địa điểm lắp đặt thiết bị của bên A trong vòng 08 giờ để khắc phục sự cố cho bên A.

- Trường hợp, vượt thời gian được Bên A quy định (quá 24 giờ) Bên chịu trách nhiệm bảo hành (Bên B1 hoặc B2) không khắc phục sự cố, sai sót. Bên A có thể thuê tổ chức khác khắc phục sự cố, sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Bên chịu trách nhiệm bảo hành sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này, đồng thời vẫn tiếp tục thời gian bảo hành theo quy định hợp đồng.

- Đối với những sự cố không khắc phục được tại chỗ thì thiết bị sẽ được Bên chịu trách nhiệm bảo hành chuyển tới địa điểm bảo hành của bên B1 hoặc B2. Thời gian tối đa là 10 ngày kể từ ngày thiết bị được chuyển tới địa điểm bảo hành.

- Bên B2 đảm bảo cung cấp cho bên A các thiết bị, phụ tùng dự phòng trong trường hợp cần có thiết bị, phụ tùng thay thế trong thời gian bảo hành. Các thiết bị, phụ tùng dự phòng để thay thế định kỳ và phụ tùng sửa chữa khi có hư hỏng.

- Bên B1 hoặc/và Bên B2 được hoàn trả lại bảo đảm bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được Bên A xác nhận đã hoàn thành việc bảo hành.

**Điều 16. Trường hợp bất khả kháng**

- Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, Bên A theo hướng dẫn của Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A sẽ xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà Bên B phải gánh chịu.

- Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt Hợp đồng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định.

**Điều 17. Giải quyết tranh chấp**

1. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 05 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra Toà án Bạc Liêu để giải quyết. Phán quyết của Toà án hai bên buộc phải thực hiện. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình kiện tụng tại toà sẽ do bên thua kiện chịu.

3. Các điều khoản không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành và các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế.

**Điều 18. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày …. tháng …. năm 2018*.*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 08 bộ, Bên A giữ 05 bộ, Bên B giữ 03 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| **THÀNH VIÊN LIÊN DANH THỨ 1** | **ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ** |
| **Viện Công Nghệ Viễn Thông**  **THÀNH VIÊN LIÊN DANH THỨ 2**  **Cty TNHH MTV Thế giới Công nghệ (HDKING)** | **Ban quản lý dự án ĐTXD huyện**  **Phước Long** |